

## **CHƯƠNG 12** **QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ (IPR)**

### **MỤC A: QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 12.1: Định nghĩa**

Vì mục đích của Chương này:

**Sở hữu trí tuệ** bao gồm:

- (a) bản quyền và quyền liên quan;
- (b) bằng sáng chế và mô hình tiện ích;
- (c) thương hiệu;
- (d) kiểu dáng công nghiệp;
- (e) thiết kế bố trí (địa hình) mạch tích hợp;
- (f) chỉ dẫn địa lý;
- (g) giống cây trồng; và
- (h) bảo vệ thông tin không được tiết lộ.

**Quốc gia** có nghĩa là, đối với quyền liên quan, một người của một Bên sẽ đáp ứng các tiêu chí đủ điều kiện được bảo hộ được quy định trong các hiệp định được liệt kê tại Điều 12.5 (Điều ước quốc tế) hoặc Hiệp định TRIPS.

#### **Điều 12.2: Mục tiêu**

Việc bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ phải góp phần thúc đẩy thương mại, đầu tư, đổi mới công nghệ và công nghiệp văn hóa, chuyển giao và phổ biến công nghệ, vì lợi ích chung của các nhà sản xuất và người sử dụng kiến thức công nghệ và theo cách có lợi cho phúc lợi xã hội và kinh tế, và cân bằng quyền và nghĩa vụ.

### **Điều 12.3: Nguyên tắc**

Không có nội dung nào trong Chương này ngăn cản một Bên áp dụng các biện pháp thích hợp để ngăn chặn việc chủ sở hữu quyền lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ hoặc sử dụng các hành vi hạn chế thương mại một cách vô lý hoặc ảnh hưởng xấu đến việc chuyển giao công nghệ quốc tế với điều kiện các biện pháp đó phù hợp với Chương này.

### **Điều 12.4: Bản chất và phạm vi nghĩa vụ**

Mỗi Bên sẽ thực hiện các quy định của Chương này. Một Bên có thể, nhưng sẽ không có nghĩa vụ, cung cấp sự bảo vệ hoặc thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo luật của mình rộng rãi hơn<sup>1</sup> so với yêu cầu của Chương này, miễn là việc bảo vệ hoặc thực thi đó không trái với các quy định của Chương này. Mỗi Bên có quyền tự do xác định phương pháp thích hợp để thực hiện các quy định của Chương này trong hệ thống pháp luật và thông lệ của mình.

### **Điều 12.5: Thỏa thuận quốc tế**

1. Các Bên tái khẳng định các nghĩa vụ của mình được quy định trong các hiệp định đa phương sau:
  - (a) *Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ* (Hiệp định TRIPS);
  - (b) *Hiệp ước Hợp tác Bằng sáng chế ngày 19 tháng 6 năm 1970*, được sửa đổi bởi Đạo luật Washington năm 2001;
  - (c) *Công ước Paris ngày 20 tháng 3 năm 1883 về bảo hộ sở hữu công nghiệp*, được sửa đổi bởi Đạo luật Stockholm năm 1967 (Công ước Paris);
  - (d) *Công ước Berne ngày 9 tháng 9 năm 1886 về bảo vệ các tác phẩm văn học và nghệ thuật*, được sửa đổi bởi Đạo luật Paris năm 1971 (Công ước Berne);
  - (e) *Nghị định thư Madrid ngày 27 tháng 6 năm 1989 liên quan đến Hiệp định Madrid liên quan đến Đăng ký quốc tế nhãn hiệu*;
  - (f) *Hiệp ước Biểu diễn và Bản ghi âm của WIPO ngày 20 tháng 12 năm 1996* (WPPT);
  - (g) *Công ước Rome ngày 26 tháng 10 năm 1961 về bảo vệ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và tổ chức phát sóng* (Công ước Rome);
  - (h) *Hiệp ước Bản quyền WIPO ngày 20 tháng 12 năm 1996* (WCT);

---

<sup>1</sup> Để chắc chắn hơn, theo mục đích của Điều này, 'luật' bao gồm hệ thống pháp luật bao gồm các quy định, nghị định và thực tiễn theo nghĩa rộng.

- (i) *Hiệp ước Budapest ngày 28 tháng 4 năm 1977 về việc công nhận quốc tế về việc lưu trữ vi sinh vật cho các mục đích của thủ tục bằng sáng chế; và*
  - (j) *Hiệp ước Marrakesh tạo điều kiện tiếp cận các tác phẩm đã xuất bản cho người mù, khiếm thị hoặc khuyết tật in ấn (Hiệp ước Marrakesh).*
2. Một Bên sẽ phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV) 1991, nếu chưa phải là thành viên của Công ước đó.

#### **Điều 12.6: Sở hữu trí tuệ và sức khỏe cộng đồng**

1. Khi xây dựng hoặc sửa đổi luật và quy định của mình, một Bên có thể áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ sức khỏe cộng đồng và dinh dưỡng, và thúc đẩy lợi ích công cộng trong các lĩnh vực có tầm quan trọng sống còn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và công nghệ của họ, miễn là các biện pháp đó phù hợp với các quy định của Chương này.
2. Các Bên công nhận các nguyên tắc được thiết lập trong Tuyên bố về Hiệp định TRIPS và Y tế Công cộng được Hội nghị Bộ trưởng WTO thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2001 (Tuyên bố Doha) và xác nhận rằng các quy định của Chương này không ảnh hưởng đến Tuyên bố Doha.

#### **Điều 12.7: Đối xử quốc gia**

1. Đối với tất cả các loại tài sản trí tuệ được đề cập trong Chương này, mỗi Bên sẽ dành cho công dân của Bên kia đối xử không kém thuận lợi hơn so với công dân của mình liên quan đến việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo Điều 3(1) của Hiệp định TRIPS.
2. Một Bên có thể loại bỏ khoản 1 liên quan đến các thủ tục tư pháp và hành chính của mình, bao gồm cả việc yêu cầu một công dân của Bên kia chỉ định một địa chỉ để tổng đạt thủ tục tố tụng trên lãnh thổ của mình, hoặc chỉ định một đại lý trên lãnh thổ của mình, với điều kiện là sự giảm thiểu đó:
  - (a) cần thiết để đảm bảo tuân thủ các luật hoặc quy định không phù hợp với Chương này; và
  - (b) không được áp dụng theo cách có thể cấu thành một hạn chế trá hình đối với thương mại.
3. Khoản 1 không áp dụng cho các thủ tục được quy định trong các hiệp định đa phương được ký kết dưới sự bảo trợ của WIPO liên quan đến việc mua lại hoặc duy trì quyền sở hữu trí tuệ.

#### **Điều 12.8: Tính minh bạch**

1. Mỗi Bên sẽ, nếu có, tùy thuộc vào hệ thống pháp luật và thông lệ của mình, cung cấp thông tin liên quan đến việc áp dụng và đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp, bằng sáng chế và quyền sử dụng giống cây trồng.
2. Mỗi Bên sẽ cố gắng cung cấp thông tin đó bằng tiếng Anh.

#### **Điều 12.9: Hết quyền sở hữu trí tuệ**

Không ảnh hưởng đến bất kỳ điều khoản nào liên quan đến việc cạn kiệt quyền sở hữu trí tuệ trong các điều ước quốc tế mà một Bên là thành viên, không có điều gì trong Chương này có thể ngăn cản một Bên xác định việc cạn kiệt quyền sở hữu trí tuệ có áp dụng theo hệ thống pháp luật của mình hay không hoặc trong điều kiện nào.

## **PHẦN B: HỢP TÁC**

#### **Điều 12.10: Các hoạt động và sáng kiến hợp tác**

1. Các Bên sẽ nỗ lực hợp tác về các vấn đề được đề cập trong Chương này, chẳng hạn như thông qua sự phối hợp, đào tạo và trao đổi thông tin thích hợp giữa các cơ quan sở hữu trí tuệ tương ứng của các Bên hoặc các tổ chức khác, theo quyết định của mỗi Bên. Các hoạt động và sáng kiến hợp tác được thực hiện theo Chương này sẽ tùy thuộc vào sự sẵn có của các nguồn lực, và theo yêu cầu, và theo các điều khoản và điều kiện mà hai bên đã thỏa thuận. Các hoạt động hợp tác có thể bao gồm các lĩnh vực như:
  - (a) phát triển chính sách sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế;
  - (b) chất lượng và hiệu quả thẩm định sáng chế;
  - (c) hệ thống quản lý và đăng ký sở hữu trí tuệ;
  - (d) giáo dục và nhận thức về sở hữu trí tuệ;
  - (e) Các vấn đề sở hữu trí tuệ liên quan đến:
    - (i) doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa;
    - (ii) hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
    - (iii) việc tạo ra, chuyển giao và phổ biến công nghệ;
    - (iv) thúc đẩy công nghiệp văn hóa; và
    - (v) trao quyền cho phụ nữ và thanh niên;

- (f) các chính sách liên quan đến việc sử dụng tài sản trí tuệ cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế;
  - (g) thực hiện các thỏa thuận sở hữu trí tuệ đa phương, chẳng hạn như các thỏa thuận được ký kết hoặc quản lý dưới sự bảo trợ của WIPO;
  - (h) nâng cao năng lực;
  - (i) thực thi quyền sở hữu trí tuệ; và
  - (j) các hoạt động và sáng kiến khác có thể do các Bên cùng xác định.
2. Ủy ban hỗn hợp được thành lập theo Điều 15.1 (Ủy ban hỗn hợp) của Chương 15 (Quản lý Hiệp định) có thể thành lập Tiểu ban Sở hữu trí tuệ trong các trường hợp thích hợp có mối quan tâm chung.

## **PHẦN C: NHÃN HIỆU**

### **Điều 12.11: Các loại dấu hiệu có thể đăng ký là nhãn hiệu**

Không Bên nào được yêu cầu, như một điều kiện đăng ký, một dấu hiệu phải có thể cảm nhận được bằng mắt thường, cũng như một Bên không được từ chối đăng ký nhãn hiệu chỉ với lý do dấu hiệu mà nó được tạo thành là một âm thanh. Ngoài ra, mỗi Bên phải nỗ lực hết sức để đăng ký nhãn hiệu mùi hương. Một Bên có thể yêu cầu mô tả ngắn gọn và chính xác, hoặc trình bày đồ họa, hoặc cả hai, nếu có, về nhãn hiệu.

### **Điều 12.12: Nhãn hiệu tập thể và chứng nhận**

Mỗi Bên sẽ quy định rằng nhãn hiệu bao gồm nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận. Một Bên không có nghĩa vụ coi nhãn hiệu chứng nhận như một danh mục riêng biệt trong luật của mình, miễn là các nhãn hiệu đó được bảo vệ. Mỗi Bên cũng sẽ quy định rằng các dấu hiệu có thể đóng vai trò là chỉ dẫn địa lý có khả năng được bảo hộ theo hệ thống nhãn hiệu của mình.<sup>2</sup>

### **Điều 12.13: Sử dụng các dấu hiệu giống nhau hoặc tương tự**

Mỗi Bên quy định rằng chủ sở hữu nhãn hiệu đã đăng ký có độc quyền ngăn chặn các bên thứ ba không có sự đồng ý của chủ sở hữu sử dụng trong quá trình thương mại các dấu

---

<sup>2</sup> Phù hợp với định nghĩa về chỉ dẫn địa lý tại Điều 12.24 (Bảo hộ chỉ dẫn địa lý), bất kỳ dấu hiệu hoặc tổ hợp dấu hiệu nào cũng đủ điều kiện để được bảo hộ theo một hoặc nhiều phương tiện hợp pháp để bảo hộ chỉ dẫn địa lý, hoặc kết hợp các phương tiện đó.

hiệu giống hệt hoặc tương tự, bao gồm cả các chỉ dẫn địa lý tiếp theo,<sup>3</sup> cho<sup>4</sup> hàng hóa hoặc dịch vụ có liên quan đến hàng hóa hoặc dịch vụ mà nhãn hiệu của chủ sở hữu được đăng ký, trong đó việc sử dụng như vậy sẽ dẫn đến khả năng nhầm lẫn. Trong trường hợp sử dụng một dấu hiệu giống hệt nhau cho hàng hóa hoặc dịch vụ giống hệt nhau, giả định khả năng nhầm lẫn.

#### **Điều 12.14: Ngoại lệ**

Một Bên có thể cung cấp các ngoại lệ hạn chế đối với các quyền được trao bởi nhãn hiệu, chẳng hạn như sử dụng hợp lý các thuật ngữ mô tả, với điều kiện là những ngoại lệ đó có tính đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu nhãn hiệu và của bên thứ ba.

#### **Điều 12.15: Nhãn hiệu nổi tiếng**

1. Không Bên nào được yêu cầu như một điều kiện để xác định rằng một nhãn hiệu là nổi tiếng rằng nhãn hiệu đó đã được đăng ký tại Bên hoặc ở một khu vực tài phán khác, được đưa vào danh sách các nhãn hiệu nổi tiếng hoặc được công nhận trước là một nhãn hiệu nổi tiếng.
2. Điều 6bis của Công ước Paris sẽ được áp dụng đối với hàng hóa hoặc dịch vụ không giống hoặc tương tự với hàng hóa hoặc dịch vụ được xác định bởi một nhãn hiệu nổi tiếng,<sup>5</sup> cho dù đã đăng ký hay chưa, với điều kiện việc sử dụng nhãn hiệu đó liên quan đến hàng hóa hoặc dịch vụ đó sẽ chỉ ra mối liên hệ giữa hàng hóa hoặc dịch vụ đó và chủ sở hữu nhãn hiệu. và với điều kiện là lợi ích của chủ sở hữu nhãn hiệu có khả năng bị tổn hại bởi việc sử dụng đó.
3. Mỗi Bên công nhận tầm quan trọng của Khuyến nghị chung liên quan đến các điều khoản về bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng được Đại hội đồng Liên minh Paris về Bảo hộ Sở hữu Công nghiệp và Đại hội đồng WIPO thông qua tại Chuỗi cuộc họp lần thứ ba mươi tư của Hội đồng các quốc gia thành viên WIPO từ ngày 20 đến 29 tháng 9, 1999.
4. Mỗi Bên sẽ quy định các biện pháp thích hợp để từ chối đơn hoặc hủy đăng ký và cấm sử dụng nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu nổi tiếng<sup>6</sup>, đối với hàng hóa hoặc dịch vụ giống hệt hoặc tương tự, nếu việc sử dụng nhãn hiệu đó có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu nổi tiếng trước đó. Một Bên cũng có thể đưa ra các biện pháp như vậy, bao gồm cả trong trường hợp nhãn hiệu tiếp theo có khả năng lừa dối.

---

<sup>3</sup> Để chắc chắn hơn, quyền độc quyền trong Điều này áp dụng cho các trường hợp sử dụng trái phép chỉ dẫn địa lý với hàng hóa đã đăng ký nhãn hiệu, trong trường hợp việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó trong quá trình thương mại sẽ dẫn đến khả năng nhầm lẫn về nguồn gốc của hàng hóa.

<sup>4</sup> Để chắc chắn hơn, các Bên hiểu rằng Điều này không nên được hiểu để ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của họ theo Điều 22 và 23 của Hiệp định TRIPS.

<sup>5</sup> Khi xác định xem nhãn hiệu có nổi tiếng ở một Bên hay không, Bên đó không cần phải yêu cầu danh tiếng của nhãn hiệu vượt ra ngoài lĩnh vực công chúng thường giao dịch với hàng hóa hoặc dịch vụ có liên quan.

<sup>6</sup> Các Bên hiểu rằng nhãn hiệu nổi tiếng là nhãn hiệu đã được biết đến trước đó, theo quyết định của một Bên, đơn đăng ký, đăng ký hoặc sử dụng nhãn hiệu được đề cập đầu tiên.

## **Điều 12.16: Các khía cạnh thủ tục của việc kiểm tra, phản đối và hủy bỏ hoặc chấm dứt<sup>7</sup>**

Mỗi Bên sẽ cung cấp một hệ thống kiểm tra và đăng ký nhãn hiệu, bao gồm:

- (a) thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản, có thể bằng phương tiện điện tử, lý do từ chối đăng ký nhãn hiệu;
- (b) cung cấp cho người nộp đơn cơ hội trả lời các thông tin liên lạc từ các cơ quan có thẩm quyền, để phản đối bất kỳ sự từ chối ban đầu nào và đưa ra kháng cáo tư pháp về bất kỳ sự từ chối cuối cùng nào đối với việc đăng ký nhãn hiệu;
- (c) tạo cơ hội phản đối việc đăng ký nhãn hiệu hoặc yêu cầu hủy bỏ hoặc chấm dứt nhãn hiệu; và
- (d) yêu cầu các quyết định hành chính trong thủ tục phản đối, hủy bỏ phải được lập luận và bằng văn bản, có thể được cung cấp bằng phương tiện điện tử.

## **Điều 12.17: Hệ thống nhãn hiệu điện tử**

Mỗi Bên sẽ cung cấp:

- (a) một hệ thống đăng ký điện tử và duy trì nhãn hiệu; và
- (b) một hệ thống thông tin điện tử công khai, bao gồm cơ sở dữ liệu trực tuyến, về các đơn đăng ký nhãn hiệu và nhãn hiệu đã đăng ký.

## **Điều 12.18: Phân loại hàng hóa và dịch vụ**

Mỗi Bên sẽ thông qua hoặc duy trì một hệ thống phân loại nhãn hiệu phù hợp với Hiệp định Nice liên quan đến phân loại hàng hóa và dịch vụ quốc tế cho các mục đích đăng ký nhãn hiệu, được thực hiện tại Nice, ngày 15 tháng 6 năm 1957, như đã được sửa đổi và sửa đổi (Phân loại Nice). Mỗi Bên sẽ quy định rằng:

- (a) đăng ký và công bố đơn đăng ký chỉ ra hàng hóa và dịch vụ theo tên của chúng, được nhóm theo các loại được thiết lập bởi Phân loại Nice;<sup>8</sup> và
- (b) Hàng hóa hoặc dịch vụ có thể không được coi là tương tự với nhau trên cơ sở trong bất kỳ đăng ký hoặc xuất bản nào, chúng được phân loại trong cùng một loại của Phân loại Nice. Ngược lại, mỗi Bên sẽ quy định rằng hàng hóa hoặc dịch vụ không được coi là khác nhau với lý do, trong bất kỳ

---

<sup>7</sup> Trong Chương này, thuật ngữ 'Chấm dứt' tương đương với 'vô hiệu', có hiệu lực hồi tố.

<sup>8</sup> Một Bên dựa vào các bản dịch của Phân loại Nice sẽ tuân theo các phiên bản cập nhật của Phân loại Nice trong phạm vi các bản dịch chính thức đã được phát hành và xuất bản.

đăng ký hoặc công bố nào, chúng được phân loại theo các loại khác nhau của Phân loại Nice.

**Điều 12.19: Điều khoản bảo hộ nhãn hiệu**

Mỗi Bên sẽ quy định rằng đăng ký ban đầu và mỗi lần gia hạn đăng ký nhãn hiệu sẽ có thời hạn không dưới 10 năm.

**Điều 12.20: Không ghi lại giấy phép**

Không Bên nào được yêu cầu ghi nhận giấy phép nhãn hiệu:

- (a) để xác định hiệu lực của giấy phép; Cũng
- (b) như một điều kiện để sử dụng nhãn hiệu của người được cấp phép được coi là cấu thành việc sử dụng của chủ sở hữu trong một thủ tục tố tụng liên quan đến việc mua lại, duy trì hoặc thực thi nhãn hiệu.

**Điều 12.21: Tên miền**

Liên quan đến hệ thống quản lý tên miền cấp cao nhất mã quốc gia (ccTLD) của mỗi Bên sẽ có sẵn những điều sau:

- (a) một thủ tục thích hợp để giải quyết tranh chấp, dựa trên hoặc mô hình hóa theo cùng một đường lối như các nguyên tắc được thiết lập trong Chính sách Giải quyết Tranh chấp Tên miền Thống nhất, được phê duyệt bởi Tập đoàn Internet về Tên và Số được chỉ định (ICANN) hoặc rằng:
  - (i) được thiết kế để giải quyết tranh chấp nhanh chóng và với chi phí thấp;
  - (ii) công bằng và bình đẳng;
  - (iii) không quá nặng nề; và
  - (iv) không loại trừ việc sử dụng các thủ tục tố tụng tư pháp;
- (b) truy cập công khai trực tuyến vào cơ sở dữ liệu thông tin liên hệ đáng tin cậy và chính xác liên quan đến người đăng ký tên miền,

phù hợp với luật của mỗi Bên và, nếu có, các chính sách quản trị viên có liên quan liên quan đến việc bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân.

**PHẦN D: TÊN QUỐC GIA**



## **Điều 12.22: Tên quốc gia**

Mỗi Bên sẽ cung cấp các phương tiện pháp lý cho những người có lợi ích để ngăn chặn việc sử dụng thương mại tên quốc gia của một Bên liên quan đến hàng hóa theo cách gây hiểu lầm cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa đó.

## **MỤC E: CHỈ DẪN ĐỊA LÝ**

### **Điều 12.23: Bảo hộ<sup>9</sup> chỉ dẫn địa lý**

1. Chỉ dẫn địa lý là chỉ dẫn xác định hàng hóa có nguồn gốc từ lãnh thổ của một Bên, hoặc một khu vực hoặc địa phương trên lãnh thổ đó, trong đó chất lượng, danh tiếng hoặc đặc điểm khác của hàng hóa về cơ bản là do nguồn gốc địa lý của nó.
2. Các Bên tái khẳng định rằng chỉ dẫn địa lý có thể được bảo vệ thông qua nhãn hiệu hoặc hệ thống *riêng biệt* hoặc các phương tiện pháp lý khác.

### **Điều 12.24: Hệ thống đăng ký và bảo hộ chỉ dẫn địa lý**

1. Mỗi Bên phải duy trì một hệ thống đăng ký và bảo hộ chỉ dẫn địa lý có ít nhất các yếu tố sau:
  - (a) sổ đăng ký liệt kê các chỉ dẫn địa lý được bảo hộ trên lãnh thổ của Bên đó;
  - (b) một quy trình hành chính xác minh rằng các chỉ dẫn địa lý được nhập hoặc duy trì trên sổ đăng ký được đề cập tại điểm (a) xác định một hàng hóa có xuất xứ từ một lãnh thổ, khu vực hoặc địa phương của một Bên, trong đó chất lượng, danh tiếng hoặc đặc điểm khác của hàng hóa về cơ bản là do nguồn gốc địa lý của nó;
  - (c) một thủ tục phân đối cho phép tính đến lợi ích hợp pháp của bất kỳ thể nhân hoặc pháp nhân nào; và
  - (d) thủ tục sửa chữa, loại bỏ hoặc chấm dứt hiệu lực của các mục trên sổ đăng ký nêu tại điểm (a) có tính đến lợi ích hợp pháp của bên thứ ba và chủ sở hữu quyền của chỉ dẫn địa lý đã đăng ký được đề cập<sup>10</sup>.

---

<sup>9</sup> Để chắc chắn hơn, bảo hộ Chỉ dẫn địa lý nói chung có nghĩa là bảo hộ bằng cách đăng ký hoặc công nhận.

<sup>10</sup> Không ảnh hưởng đến pháp luật trong nước của mình về hệ thống đăng ký và bảo hộ chỉ dẫn địa lý, mỗi Bên sẽ quy định các biện pháp pháp lý để hủy bỏ hiệu lực đăng ký chỉ dẫn địa lý.

2. Mỗi Bên có thể quy định trong pháp luật trong nước của mình sự bảo vệ rộng rãi hơn so với yêu cầu của Mục này, miễn là sự bảo vệ đó không trái với sự bảo vệ được quy định tại Chương này.

**Điều 12.25: Dữ liệu bảo vệ chỉ dẫn địa lý**

Nếu một Bên cấp bảo hộ cho một chỉ dẫn địa lý, việc bảo hộ sẽ bắt đầu không sớm hơn ngày nộp đơn<sup>11</sup> hoặc ngày đăng ký ở một trong hai Bên theo luật và quy định quốc gia của mỗi Bên.

**MỤC F: SÁNG CHẾ VÀ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP**

**Điều 12.26: Thời gian ân hạn sáng chế**

Mỗi Bên sẽ bỏ qua thông tin có trong việc công bố công khai sáng chế liên quan đến đơn đăng ký bằng sáng chế<sup>12</sup> nếu công bố công khai:

- (a) được thực hiện bởi nhà phát minh, người nộp đơn hoặc người có được thông tin từ nhà phát minh hoặc người nộp đơn bên trong hoặc bên ngoài lãnh thổ của mỗi Bên; và
- (b) xảy ra trong vòng ít nhất 12 tháng trước ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên nếu có.

**Điều 12.27: Các khía cạnh thủ tục của thẩm định, phản đối, hủy bỏ và chấm dứt một số bằng sáng chế đã đăng ký và kiểu dáng công nghiệp**

Mỗi Bên sẽ cung cấp một hệ thống để kiểm tra và đăng ký bằng sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp, bao gồm:

- (a) thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản, có thể bằng phương tiện điện tử, lý do từ chối đăng ký bằng sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp;
- (b) cung cấp cho người nộp đơn cơ hội trả lời các thông tin liên lạc từ các cơ quan có thẩm quyền, để phản đối bất kỳ sự từ chối ban đầu nào và đưa ra kháng cáo tư pháp về bất kỳ sự từ chối cuối cùng nào đối với việc đăng ký bằng sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp;

---

<sup>11</sup> Để chắc chắn hơn, ngày nộp đơn được đề cập trong Điều này bao gồm, nếu có, ngày nộp đơn ưu tiên theo Công ước Paris.

<sup>12</sup> Để chắc chắn hơn, bằng sáng chế có thể bao gồm mô hình tiện ích phù hợp với luật và quy định quốc gia.

- (c) tạo cơ hội cho các bên liên quan tìm cách hủy bỏ hoặc chấm dứt bằng sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp đã đăng ký, và ngoài ra có thể tạo cơ hội cho các bên liên quan phản đối việc đăng ký bằng sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp; và
- (d) đưa ra các quyết định về thủ tục phản đối, hủy bỏ hoặc chấm dứt hợp lý và bằng văn bản, có thể được gửi bằng phương tiện điện tử.

#### **Điều 12.28: Sửa đổi, sửa chữa và quan sát**

1. Mỗi Bên sẽ cung cấp cho người nộp đơn cấp bằng sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp ít nhất một cơ hội để thực hiện các sửa đổi, chỉnh sửa hoặc nhận xét từ bên thứ ba liên quan đến đơn đăng ký của mình.
2. Mỗi Bên sẽ cung cấp cho chủ sở hữu quyền sáng chế, kiểu dáng công nghiệp cơ hội sửa đổi, chỉnh sửa sau khi đăng ký, với điều kiện là việc sửa đổi, chỉnh sửa đó không làm thay đổi hoặc mở rộng phạm vi của toàn bộ quyền sáng chế, kiểu dáng công nghiệp.<sup>13</sup>

#### **Điều 12.29: Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp**

Thời hạn bảo hộ đối với kiểu dáng công nghiệp đã đăng ký ít nhất là 15 năm theo quy định của pháp luật trong nước kể từ ngày nộp đơn.

#### **Điều 12.30: Ngoại lệ**

Một Bên có thể đưa ra các ngoại lệ giới hạn đối với các quyền độc quyền được trao bởi bằng sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp, miễn là các ngoại lệ đó không mâu thuẫn một cách vô lý với việc khai thác thông thường của bằng sáng chế hoặc kiểu dáng công nghiệp và không gây phương hại một cách vô lý đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền, có tính đến lợi ích hợp pháp của bên thứ ba.

### **PHẦN H: BẢN QUYỀN VÀ QUYỀN LIÊN QUAN**

#### **Điều 12.31: Quy định chung**

1. Không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ được quy định trong các điều ước quốc tế mà cả hai Bên là thành viên, mỗi Bên phải, theo luật và quy định của mình<sup>14</sup>, cấp và bảo đảm bảo vệ đầy đủ và hiệu quả cho tác giả của tác phẩm và cho người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và các tổ chức phát sóng đối với các tác phẩm, buổi biểu diễn, bản ghi âm và chương trình phát sóng của họ.

---

<sup>13</sup> Được hiểu, việc sửa đổi, bổ sung không làm thay đổi hoặc mở rộng phạm vi quyền có nghĩa là phạm vi sáng chế, quyền kiểu dáng công nghiệp vẫn giữ nguyên như trước hoặc bị giảm bớt.

<sup>14</sup> Để chắc chắn hơn, đối với mục đích của tiêu mục này, 'luật và quy định' được hiểu là bao gồm các luật, quy định, nghị định, quyết định của bộ (thông tư) và thực tiễn quốc gia theo nghĩa rộng.

2. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng một tổ chức phát sóng có ít nhất độc quyền cho phép các hành vi sau đây: phát sóng hoặc phát lại các chương trình phát sóng của mình; trực tiếp hoặc gián tiếp sao chép toàn bộ hoặc một phần bản ghi hình của họ bằng bất kỳ phương tiện hoặc hình thức nào chỉ cho mục đích phát sóng; phân phối cố định.

### **Điều 12.32: Thời hạn bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan**

Mỗi Bên sẽ quy định rằng trong trường hợp thời hạn bảo hộ tác phẩm, cuộc biểu diễn hoặc bản ghi âm được tính:

- (a) trên cơ sở cuộc sống của thể nhân thì thời hạn không ít hơn cuộc đời của tác giả và 50 năm kể từ ngày tác giả chết;
- (b) thời hạn bảo hộ được cấp cho người biểu diễn theo Chương này ít nhất sẽ kéo dài cho đến khi kết thúc thời hạn 50 năm tính từ cuối năm mà cuộc biểu diễn được ấn định; và
- (c) thời hạn bảo hộ được cấp cho người sản xuất bản ghi âm theo Chương này ít nhất là đến khi kết thúc khoảng thời gian 50 năm tính từ cuối năm xuất bản bản ghi âm, hoặc không công bố trong vòng 50 năm kể từ ngày ấn định bản ghi âm, 50 năm kể từ ngày kết thúc năm ấn định.

### **Điều 12.33: Giới hạn và ngoại lệ**

1. Đối với Mục này, mỗi Bên sẽ giới hạn các giới hạn hoặc ngoại lệ đối với các quyền độc quyền đối với một số trường hợp đặc biệt nhất định không mâu thuẫn với việc khai thác thông thường tác phẩm, biểu diễn hoặc bản ghi âm, và không gây phương hại một cách vô lý đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền.
2. Điều này không giảm hoặc mở rộng phạm vi áp dụng các giới hạn và ngoại lệ được cho phép bởi Hiệp định TRIPS, Công ước Berne, WCT hoặc WPPT hoặc Hiệp ước Marrakesh.
3. Trong luật pháp quốc gia của mình, mỗi Bên có thể quy định các loại hạn chế hoặc ngoại lệ tương tự liên quan đến việc bảo vệ người biểu diễn trong biểu diễn và bản ghi âm, đối với việc bảo vệ các nhà sản xuất bản ghi âm và của các tổ chức phát thanh như quy định trong luật quốc gia của mình liên quan đến việc bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học và nghệ thuật.
4. Mỗi Bên sẽ nỗ lực đạt được sự cân bằng thích hợp trong hệ thống quyền tác giả và quyền liên quan của mình, trong số những thứ khác bằng các hạn chế hoặc ngoại lệ phù hợp với khoản 1, 2 và 3, bao gồm cả các hạn chế đối với môi trường kỹ thuật số, xem xét thích đáng các mục đích hợp pháp như, nhưng không giới hạn ở: phê bình;

bình luận; báo cáo; giảng dạy, học bổng, nghiên cứu; và tạo điều kiện tiếp cận các tác phẩm đã xuất bản cho người mù, khiếm thị hoặc khuyết tật in ấn.<sup>15, 16</sup>

### **Điều 12.34: Chuyển nhượng theo hợp đồng**

Mỗi Bên sẽ quy định rằng đối với bản quyền và quyền liên quan, bất kỳ người nào có được hoặc nắm giữ bất kỳ quyền kinh tế nào<sup>17</sup> đối với tác phẩm, buổi biểu diễn hoặc bản ghi âm:

- (a) có thể tự do và riêng chuyển nhượng quyền đó theo hợp đồng; và
- (b) theo hợp đồng<sup>18</sup>, bao gồm cả hợp đồng lao động cơ sở cho việc tạo ra tác phẩm, biểu diễn hoặc bản ghi âm, sẽ có thể thực hiện quyền đó dưới tên của chính người đó<sup>19</sup> và hưởng trọn vẹn các lợi ích có được từ quyền đó.<sup>20</sup>

### **Điều 12.35: Nghĩa vụ liên quan đến Thông tin Quản lý Quyền**

1. Mỗi Bên phải cung cấp các biện pháp pháp lý đầy đủ và hiệu quả đối với bất kỳ người nào cố ý, không có sự cho phép xóa hoặc thay đổi bất kỳ thông tin quản lý quyền điện tử nào và/hoặc phân phối, nhập khẩu để phân phối, phát sóng hoặc truyền đạt cho công chúng, mà không có thẩm quyền, tác phẩm hoặc bản sao của tác phẩm biết rằng thông tin quản lý quyền điện tử đã bị xóa hoặc thay đổi mà không có thẩm quyền.
2. Đối với mục đích của Điều này, cụm từ "thông tin quản lý quyền" có nghĩa là bất kỳ thông tin nào do chủ sở hữu quyền cung cấp để xác định tác phẩm<sup>21</sup> hoặc chủ đề khác là đối tượng được bảo vệ theo Chương này, tác giả hoặc bất kỳ chủ sở hữu quyền nào khác, hoặc thông tin về điều kiện sử dụng tác phẩm hoặc chủ đề khác, và bất kỳ số hoặc mã nào đại diện cho thông tin đó. Khoản 1 sẽ được áp dụng khi bất kỳ mục thông tin nào trong số này có liên quan đến bản sao hoặc xuất hiện liên quan đến việc truyền đạt cho công chúng về một tác phẩm hoặc đối tượng khác là đối tượng được bảo vệ theo Chương này.

### **Điều 12.36: Quản lý tập thể**

<sup>15</sup> Như được công nhận bởi Hiệp ước Marrakesh.

<sup>16</sup> Để chắc chắn hơn, việc sử dụng có khía cạnh thương mại trong các trường hợp thích hợp có thể được coi là có mục đích hợp pháp theo Điều 12.33 (Giới hạn và Ngoại lệ).

<sup>17</sup> Để chắc chắn hơn, điều khoản này không ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền nhân thân.

<sup>18</sup> Để chắc chắn hơn, 'hợp đồng' bao gồm các hợp đồng lao động làm cơ sở cho việc sáng tạo hoặc tác phẩm, biểu diễn hoặc bản ghi âm.

<sup>19</sup> Để chắc chắn hơn, 'tên của chính người' có nghĩa là 'tên của chủ sở hữu quyền'.

<sup>20</sup> Không có nội dung nào trong Điều này ảnh hưởng đến khả năng thiết lập của một Bên: (i) các hợp đồng cụ thể nào làm cơ sở cho việc tạo ra tác phẩm, buổi biểu diễn hoặc bản ghi âm, trong trường hợp không có thỏa thuận bằng văn bản, sẽ dẫn đến việc chuyển giao các quyền kinh tế theo quy định của pháp luật; và (ii) các giới hạn hợp lý để bảo vệ quyền lợi của chủ thể quyền ban đầu, có tính đến lợi ích hợp pháp của bên nhận chuyển nhượng.

<sup>21</sup> Để chắc chắn hơn, 'tác phẩm' được giải thích như được định nghĩa trong Công ước Bern Điều 2.1.

Các Bên công nhận vai trò quan trọng của các tổ chức quản lý tập thể đối với quyền tác giả và các quyền liên quan trong việc thu và phân phối tiền bản quyền dựa trên các thông lệ công bằng, hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm, có thể bao gồm các cơ chế lưu trữ hồ sơ và báo cáo thích hợp.

## **PHẦN I: THỰC THI**

### **Điều 12.37: Nghĩa vụ chung trong thi hành**

Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các thủ tục thực thi như được quy định trong Mục này có sẵn theo luật của mình để cho phép hành động hiệu quả chống lại bất kỳ hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nào được đề cập trong Chương này, bao gồm các biện pháp khắc phục nhanh chóng để ngăn chặn các hành vi vi phạm và các biện pháp khắc phục tạo thành biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm trong tương lai. Các thủ tục này sẽ được áp dụng theo cách để tránh tạo ra các rào cản đối với thương mại hợp pháp và để cung cấp các biện pháp bảo vệ chống lại sự lạm dụng chúng.

### **Điều 12.38: Các biện pháp biên giới**

1. Mỗi Bên, phù hợp với luật pháp và quy định trong nước của mình và các quy định của Phần III, Mục 4 của Hiệp định TRIPS, thông qua hoặc duy trì các thủ tục để cho phép chủ sở hữu quyền, người có căn cứ hợp lệ để nghi ngờ rằng việc nhập khẩu nhãn hiệu giả mạo hoặc hàng hóa bản quyền lậu có thể xảy ra, nộp đơn bằng văn bản cho các cơ quan có thẩm quyền. tại Bên áp dụng thủ tục biện pháp biên giới, cơ quan hải quan của Bên đó đình chỉ việc thả hàng hóa đó vào lưu thông tự do.
2. Một Bên có thể cho phép nộp đơn như vậy đối với hàng hóa liên quan đến các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ khác, miễn là đáp ứng các yêu cầu của Phần III, Mục 4 của Hiệp định TRIPS. Một Bên cũng có thể quy định các thủ tục tương ứng liên quan đến việc cơ quan hải quan đình chỉ việc giải phóng hàng hóa vi phạm xuất khẩu khỏi lãnh thổ của mình theo luật và quy định trong nước của mình.